

Số: 399 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 21 tháng 10 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt trữ lượng, tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm gạch mỏ Xóm 4, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang” (Trữ lượng tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2023)**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 60/2017/QĐ-BTNMT ngày 09/12/2010 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn và Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 quy định kỹ thuật công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp;

Căn cứ Quyết định số 474/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số 39/GP-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang cho phép Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang được phép thăm dò khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đất sét (đất làm gạch gói) mỏ Xóm 4, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Xét Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 26/7/2023 của Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang;

*Căn cứ kết luận của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang tại Biên bản họp Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản số 04/BB-HĐTLKS ngày 29/9/2023 và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;*

*Theo đề nghị của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang tại Tờ trình số 396/TTr-HĐTLKS ngày 18/10/2023 về việc phê duyệt trữ lượng, tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm gạch mỏ Xóm 4, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang”,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo và phê duyệt trữ lượng tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đất làm gạch mỏ Xóm 4, xã Tràng Đà, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang”, với các nội dung chính sau:

**1.** Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 8,0 ha, có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

**2.** Phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất làm gạch đã tính trong báo cáo:

2.1. Tổng trữ lượng địa chất cấp 121 là 851.710 m<sup>3</sup>, đất làm gạch.

2.2. Các khoáng sản đi kèm: Không.

**3.** Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 2 kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Các tài liệu của Báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và nộp lưu trữ địa chất theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản tỉnh Tuyên Quang; người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Lâm sản và Khoáng sản Tuyên Quang; thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBND tỉnh; (Báo cáo)
- PCT UBND tỉnh phụ trách TNMT;
- Cục ĐCKS Việt Nam;
- Như Điều 3;
- Chuyên viên KS
- Lưu VT, (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thế Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**Phụ lục số 01**

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC  
PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 399 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang)*

Vị trí, diện tích	Điểm góc	Toạ độ VN.2000 (Kinh tuyến trực $106^0$ , múi chiếu $3^0$ )	
		X (m)	Y (m)
<b>S = 8,0 ha</b>	1	2418.212	417.753
	2	2418.294	417.686
	3	2418.371	417.702
	4	2418.373	417.670
	5	2418.301	417.541
	6	2418.168	417.496
	7	2418.146	417.451
	8	2418.091	417.413
	9	2418.000	417.401
	10	2417.915	417.521

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**Phụ lục số 02**

**THÔNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN**

*(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: 399 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2023 của UBND tỉnh Tuyên Quang)*

<b>STT</b>	<b>Tên khối trữ lượng</b>	<b>Chiều dày trung bình (m)</b>	<b>Trữ lượng địa chất (m<sup>3</sup>)</b>	<b>Trữ lượng khai thác (m<sup>3</sup>)</b>	<b>Chiều sâu kết thúc khai thác (cost)</b>
1	I- 121	10,67	174.512	157.061	+64,61
2	II- 121	9,87	208.190	187.371	+74,14
3	III- 121	10,58	148.601	133.741	+39,0
4	IV- 121	12,68	201.274	181.147	+39,0
5	V- 121	9,43	119.134	107.220	+78,92
<b>Tổng trữ lượng cấp 121</b>			<b>851.710</b>	<b>766.539</b>	



